

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày 25 - 3 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Khảm

Bà Bùi Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 2 năm 2020 đối với bị cáo:

Lưu Thị A, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1999; nơi sinh và cư trú: Thôn Đ2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được, con bà Lưu Thị L (tên gọi khác Lưu Thị H); chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo là ông Lê Văn D, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người làm chứng: Bà Lê Thị M (mẹ đẻ chị T), sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, Lưu Thị A cùng các chị Trần Thị TH, Trần Thị B, Nguyễn Thị C và Trần Thị Đ đều ở thôn Đ2, xã Đ đến dự lễ thành hôn của chị Nguyễn Thị T ở thôn Đ1, xã Đ, huyện Y. Trong lễ cưới chị T được gia đình hai bên trao tặng 03 chiếc kiềng vàng (trong đó, 02 chiếc có trọng lượng 03 chỉ/chiếc và 01 chiếc có trọng lượng 05 chỉ). Sau buổi lễ, chị T nhờ Lưu Thị A tháo số kiềng vàng trên và gửi bà Lê Thị M cất giữ. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày chị T nhờ A điều khiển xe mô tô chở chị ra quán cắt tóc ở gần thôn để gội đầu. Tới nơi, A phát hiện quên điện thoại và túi xách tại phòng ngủ của chị T nên quay về lấy. Quan sát thấy vị trí cạnh chân bàn trang điểm kê sát cửa ra vào có 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 02 hộp tròn đựng 03 chiếc kiềng vàng (là số tặng phẩm chị T nhờ bà Mai cất hộ) và không có người trông giữ nên A nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. A lấy túi nilon đựng kiềng vàng rồi điều khiển xe mô tô đem về nhà cất giấu trong chiếc ba lô vải màu vàng treo ở cuối giường ngủ và quay lại quán gội đầu đón chị T. Bà M kiểm tra, phát hiện bị mất 03 chiếc kiềng vàng chị T gửi nên làm đơn trình báo Công an xã Đ và Công an huyện Yên Lạc. Quá trình khám nghiệm hiện trường và xác minh đã làm rõ Lưu Thị A là đối tượng đã trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị T. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 03 chiếc kiềng vàng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 58/2019/KL-ĐG ngày 04 tháng 12 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc, kết luận:

01 vòng tròn kim loại màu vàng, trên mặt vòng có ký hiệu “HJC 3CHI B.LINH”, có tổng khối lượng 40,16 gam (tính cả lõi xi), 03 chỉ: $4.140.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 03 \text{ chỉ} = 12.420.000\text{đ}$; 01 vòng tròn kim loại màu vàng, trên mặt vòng có ký hiệu “30 999.9”, có tổng khối lượng 35,65 gam (tính cả lõi xi), 03 chỉ: $4.140.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 03 \text{ chỉ} = 12.420.000\text{đ}$; 01 vòng tròn kim loại màu vàng, trên mặt vòng có ký hiệu “Biên NĂM CHỈ 5C”, có tổng khối lượng 44,35 gam (tính cả lõi xi), 05 chỉ: $4.140.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 05 \text{ chỉ} = 20.700.000\text{đ}$;

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu và trả cho chị Nguyễn Thị T 03 chiếc kiềng vàng do Lưu Thị A đã trộm cắp. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu của Lưu Thị A 01 chiếc ba lô vải màu vàng.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố bị cáo Lưu Thị A, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lưu Thị A. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lưu Thị A từ 10 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm;

không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý về vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Do suy nghĩ bồng bột nên tôi rất ân hận về việc làm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại nhà của gia đình chị Nguyễn Thị T ở thôn Đ1, xã Đ, huyện Y, lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản, Lưu Thị A đã lấy trộm của chị Nguyễn Thị T 03 chiếc kiềng vàng, thì bị phát hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị T có tổng trị giá 45.540.000đ.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lưu Thị A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính táo bạo, ngang nhiên giữa ban ngày xâm hại đến quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị T về tài sản, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn xã Đ nói riêng và huyện Yên Lạc nói chung. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân thì thấy bị cáo là người có sức khỏe, có hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động chân chính, muốn kiếm tiền bằng thành quả lao động của người khác dẫn đến phạm tội. Vì vậy, cần phải lên mức hình phạt

tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Song, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo trộm cắp thu hồi được và đã trả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình và chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung, theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo không có tài sản gì và gia đình thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Xét thấy việc Cơ quan điều tra thu và trả cho chị Nguyễn Thị T 03 chiếc kiềng vàng. Nay chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu của bị cáo 01 chiếc ba lô vải màu vàng. Tại phiên tòa, bị cáo không có yêu cầu nhận lại tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy giá trị tài sản không còn, cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo Lưu Thị A thuộc hộ cận nghèo, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y cấp giấy chứng nhận. Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lưu Thị A thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Lưu Thị A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lưu Thị A cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ

theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu của bị cáo Lưu Thị A 01 chiếc ba lô vải màu vàng, để tiêu hủy.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lưu Thị A.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bị hại, người bào chữa;
- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương